

DEMO.THỰC TIỄN, THÁCH THỨC TRONG HOẠT ĐỘNG SỐ HOÁ HỒ SƠ VỤ
ÁN HÌNH SỰ TẠI VIỆT NAM VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN
PRACTICES, CHALLENGES IN THE DIGITIZATION OF CRIMINAL CASE
FILES IN VIETNAM AND SOLUTIONS FOR IMPROVEMENT

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích thực tiễn triển khai và những thách thức pháp lý cốt lõi trong quá trình số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Việt Nam. Trên thực tế, hoạt động này đã mang lại những kết quả tích cực bước đầu, thể hiện qua việc nâng cao tính minh bạch, rút ngắn thời gian tố tụng và nâng cao hiệu quả xử lý chứng cứ điện tử tại một số cơ quan tư pháp. Tuy nhiên, quá trình này đang vấp phải những thách thức to lớn và nhiều rào cản phức tạp, làm chậm trễ tiến độ triển khai và hạn chế hiệu quả toàn diện. Trên cơ sở phân tích thực trạng và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, bài viết đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ, tập trung vào hai nội dung chính: hoàn thiện khung pháp lý chuyên biệt và nâng cao hiệu quả triển khai trong thực tiễn. Các kiến nghị này nhằm tạo lập nền tảng vững chắc để thúc đẩy chuyển đổi số một cách hiệu quả và bền vững trong lĩnh vực tư pháp hình sự, hướng tới mục tiêu xây dựng một nền tư pháp hiện đại, minh bạch và công bằng.

Từ khóa: số hoá hồ sơ vụ án hình sự, thách thức số hoá, thực tiễn số hoá

ABSTRACT

This article analyzes the implementation practices and core legal challenges in the process of digitizing criminal case files in Vietnam. In practice, this initiative has yielded initial positive results, demonstrated through enhanced transparency, shortened procedural timelines, and improved efficiency in handling electronic evidence at several judicial agencies. However, the process is encountering significant and complex challenges and barriers, which are delaying implementation progress and limiting overall effectiveness. Based on an analysis of the current situation and reference to international experience, the article proposes a synchronized system of solutions, focusing on two main areas: perfecting a specialized legal framework and enhancing practical implementation effectiveness. These recommendations aim to establish a solid foundation for promoting an effective and sustainable digital transformation within the criminal justice sector, towards the goal of building a modern, transparent, and equitable judiciary.

Keywords: *Digitization of Criminal Case Files, Digitization Challenges, Digitization Practices*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia trở thành đột phá chiến lược theo Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, việc số hóa hồ sơ vụ án hình sự là một nhiệm vụ cấp thiết, nhằm hiện đại hóa nền tư pháp, nâng cao hiệu quả quản lý và cải cách thủ tục. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tại Việt Nam cho thấy nhiều thách thức. Mặc dù đã có các chương trình, kế hoạch cụ thể từ Chính phủ và các ngành Tòa án, Kiểm sát song việc số hóa vẫn tồn tại những hạn chế như thiếu cơ sở vật chất đồng bộ, quy trình số hóa chưa thống nhất giữa các cơ quan tố tụng, việc số hóa chủ yếu được thực hiện sau khi đã có hồ sơ giấy và năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ cán bộ còn hạn chế. Đặc biệt, việc thiếu một khung pháp lý liên ngành chi tiết để điều chỉnh toàn diện quy trình số hóa từ khởi đầu đến sử dụng, dẫn đến tình trạng triển khai manh mún, thiếu hiệu quả. Xuất phát từ thực tiễn cấp thiết đó, bài viết này được thực hiện nhằm phân tích thực trạng và những thách thức trong hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Việt Nam, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để đưa ra các kiến nghị hoàn thiện, góp phần hiện thực hóa mục tiêu chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

2. Thực tiễn số hóa hồ sơ vụ án hình sự ở Việt Nam

Hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Việt Nam đã được triển khai rộng rãi tại nhiều cơ quan tư pháp mang lại hiệu quả tích cực trong công tác tố tụng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình giải quyết vụ án hình sự không chỉ nâng cao tính minh bạch, công khai mà còn giúp rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, đặc biệt là những vụ án phức tạp, có nhiều chứng cứ điện tử.

Trong thực tiễn, hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự đang được triển khai chủ yếu tại các cơ quan tư pháp có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật và đã xây dựng được quy trình làm việc rõ ràng, đặc biệt là ở các thành phố lớn. Các cơ quan này đã ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong toàn bộ quá trình từ thu thập, xử lý đến trình bày chứng cứ, nhất là đối với các vụ án phức tạp có nhiều chứng cứ điện tử. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương khác, do hạn chế về cơ sở vật chất và trình độ chuyên môn của cán bộ, việc áp dụng số hóa vẫn chưa được triển khai đồng bộ.¹ Về giai đoạn triển khai, việc số hóa hiện đang chủ yếu được áp dụng ở giai đoạn

¹ Nguyễn Xuân Kỳ (2021), “Quan điểm nhận thức về công tác “Số hóa hồ sơ vụ án” và công bố tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh tại phiên tòa hình sự”, [<https://vksnd.gialai.gov.vn/Nghien-cuu-Trao-doi/Quan-diem-nhan-thuc-ve-cong-tac-So-hoa-ho-so-vu-an-va-cong-bo-tai-lieu-chung-cu-bang-hinh-anh-tai-phiên-toa-hình-su-1297.html>] (truy cập ngày 15/03/2025).

truy tố và xét xử, trong khi các giai đoạn khởi tố và điều tra vẫn còn ít xuất hiện hình thức hồ sơ điện tử. Điều này cho thấy số hóa mới chỉ được triển khai ở những công đoạn cuối của quy trình tố tụng, phần nào phản ánh sự chưa đồng bộ trong toàn chuỗi xử lý vụ án.

Lý giải cho điều này, theo quan điểm của nhóm tác giả, xuất phát từ căn nguyên, ở giai đoạn khởi tố, hồ sơ vụ án mới ở dạng sơ khởi, chưa được xây dựng một cách đầy đủ và hệ thống. Các tài liệu, thông tin thường rời rạc, chưa định hình rõ cấu trúc, khiến cho việc thiết lập một quy trình số hóa bài bản ngay từ giai đoạn này gặp nhiều khó khăn về mặt kỹ thuật và quản lý. Nguyên nhân then chốt cho sự hạn chế ở giai đoạn điều tra lại nằm ở chính phương pháp số hóa đang được áp dụng và bản chất đa dạng, phức tạp của chứng cứ. Thực tế hiện nay, các cơ quan tư pháp chủ yếu mới dừng lại ở hình thức số hóa cơ bản: quét (scan) tài liệu giấy thành file PDF. Cách làm này tuy đơn giản nhưng tỏ ra bất cập khi đối mặt với yêu cầu số hóa các nguồn chứng cứ điển hình trong giai đoạn điều tra - vốn không chỉ là văn bản mà còn bao gồm hiện vật, hiện trường, âm thanh, hình ảnh, dữ liệu điện tử... Việc chuyển đổi số các loại chứng cứ này đòi hỏi một quy trình công nghệ cao, các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt để đảm bảo tính toàn vẹn, tính xác thực, khả năng kiểm chứng và đặc biệt là giữ nguyên được giá trị pháp lý vốn có của chứng cứ. Bài toán đặt ra không chỉ là “số hóa” đơn thuần mà là “số hóa một cách có kiểm soát” để bảo đảm tính hợp pháp, tính liên quan và tính khách quan của chứng cứ sau khi chuyển đổi. Đây chính là rào cản kỹ thuật và pháp lý lớn nhất lý giải vì sao việc số hóa ở giai đoạn then chốt này vẫn chưa thể triển khai một cách rộng rãi và hiệu quả.

Từ những nội dung trên, có thể thấy rằng hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Việt Nam đã và đang được triển khai trên thực tế, ít nhất là ở một số cơ quan tư pháp tuyến trung ương và địa phương trọng điểm. Tuy nhiên, mức độ đồng đều giữa các giai đoạn tố tụng và giữa các đơn vị vẫn còn hạn chế. Cụ thể, quá trình này đang bộc lộ sự thiếu đồng đều đáng kể trên hai phương diện: *Thứ nhất*, về phân bổ việc áp dụng số hóa hồ sơ vụ án hình sự giữa các giai đoạn tố tụng - số hóa mới chỉ tập trung chủ yếu ở khâu truy tố và xét xử, trong khi gần như “vắng bóng” ở giai đoạn khởi tố và điều tra. Khoảng cách này khiến dữ liệu của vụ án có thể bị đứt gãy khi chuyển giao giữa các công đoạn. *Thứ hai*, trong khi một số cơ quan ở trung ương và thành phố lớn đã đạt mức ứng dụng công nghệ số từ cao đến rất cao, thì phần lớn các đơn vị khác chỉ ở mức trung bình, thậm chí một số ít ở mức thấp. Đáng chú ý, một bộ phận không nhỏ còn tồn tại khoảng trống trong nhận thức hoặc năng lực đánh giá về vấn đề này. Theo Nhóm tác giả, sự chênh lệch này bắt nguồn từ ba thách thức chính: (i) *Hạ tầng công*

nghệ phát triển không đồng đều, (ii) Năng lực thực hiện chuyển đổi số của cán bộ có sự khác biệt lớn giữa các khu vực, (iii) Thiếu quy trình chuẩn hóa để đảm bảo tính liên thông giữa các cơ quan. Từ những dữ liệu khảo sát này, có thể thấy việc chuẩn bị một lộ trình thí điểm có kiểm soát, đi kèm với đào tạo, đầu tư hạ tầng và chuẩn hóa quy trình là điều cần thiết để thúc đẩy quá trình số hóa hiệu quả, đồng bộ và bền vững hơn trong tương lai.

Ngoài ra, một nghịch lý đáng chú ý trong quá trình số hóa hồ sơ vụ án hình sự hiện nay chính là bên cạnh các cơ quan vẫn chưa thực hiện số hoá hồ sơ vụ án hình sự, thì tồn tại một tình trạng là nhiều cơ quan tư pháp dù đã triển khai số hoá hồ sơ vụ án hình sự nhưng vẫn yêu cầu giữ hoặc có thêm hồ sơ bản giấy/truyền thống. Hệ quả là, quy trình tố tụng trở nên phức tạp hơn với sự tồn tại song song của hai hệ thống hồ sơ; chi phí hành chính tăng lên đáng kể do phải in ấn và lưu trữ cả bản giấy lẫn bản số; đồng thời làm triệt tiêu những lợi ích tiềm năng mà hoạt động số hoá hồ sơ vụ án hình sự mang lại. Nguyên nhân sâu xa của tình trạng này xuất phát từ bốn yếu tố chính: *thứ nhất*, tâm lý ngại thay đổi của một bộ phận cán bộ tư pháp khi chuyển sang làm việc trong môi trường số; *thứ hai*, sự thiếu vắng một hệ thống tiêu chuẩn thống nhất để xác thực giá trị pháp lý của các tài liệu điện tử²; *thứ ba*, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật khi nhiều văn bản chuyên ngành vẫn bắt buộc sử dụng bản gốc bằng giấy, và *cuối cùng*, mà theo Nhóm tác giả, cũng là nguyên nhân quan trọng nhất chính là vì quy trình số hóa hồ sơ vụ án hình sự mới đang trong giai đoạn đầu triển khai. Hạ tầng công nghệ tại nhiều cơ quan tư pháp chưa đảm bảo được yêu cầu về độ ổn định và tính bảo mật cao cần thiết cho việc lưu trữ điện tử. Điều này dẫn đến nỗi lo chính đáng về độ tin cậy của hồ sơ số, nhất là trong trường hợp dữ liệu số có nguy cơ bị mất mát, hư hỏng hoặc sai lệch do lỗi kỹ thuật. Khi xảy ra các tình huống khiến tính chính xác của hồ sơ điện tử bị nghi ngờ (như file bị lỗi, hình ảnh tài liệu bị nhòe, dữ liệu bị biến đổi hay hồ sơ số có sự can thiệp, chỉnh sửa trái phép), việc đối chiếu với hồ sơ giấy (hồ sơ gốc) trở thành nhu cầu tất yếu để đảm bảo tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp của chứng cứ. Tuy nhiên, cần nhìn nhận thực trạng này chỉ là giai đoạn chuyển tiếp tất yếu. Nói như vậy là vì, việc phải duy trì cả hồ sơ giấy lẫn hồ sơ số cùng lúc xuất phát từ những thách thức ban đầu khi ứng dụng chuyển đổi số vào lĩnh vực tư pháp - nơi đòi hỏi độ chính xác và tính bảo mật cao. Để tránh cho giai đoạn chuyển tiếp kéo dài, cần có những giải pháp đồng bộ và sớm được triển khai một cách toàn diện.

² Dương Văn Quý (2025), “Khi “giấy tờ gốc” vẫn ngáng đường số hóa”, *The Saigon Times*, [<https://thesaigontimes.vn/khi-giay-to-goc-van-ngang-duong-so-hoa/>] (truy cập ngày 27/07/2025).

3. Những thách thức đặt ra đối với Việt Nam về số hóa hồ sơ vụ án hình sự

Việc số hóa hồ sơ vụ án hình sự là một bước tiến tất yếu để nâng cao hiệu quả và minh bạch của hệ thống tư pháp. Tuy nhiên, tại Việt Nam, quá trình này đang đối mặt với nhiều thách thức. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động tư pháp và niềm tin của người dân.

Một trong những thách thức quan trọng khiến công tác số hóa hồ sơ vụ án hình sự chưa được áp dụng phổ biến trong liên ngành đó chính là *sự thiếu hụt các quy định pháp luật, văn bản hướng dẫn chi tiết và rõ ràng*. Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực vào ngày 1 tháng 7 năm 2025 chỉ mới quy định việc số hóa hồ sơ vụ án sẽ do Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cùng điều chỉnh, nhưng các cơ quan này hiện vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về cơ chế triển khai trên thực tế. Do đó, hiện tại, chỉ tồn tại các quy định liên quan đến số hóa dưới dạng công văn và kế hoạch nội bộ ngành mang tính chất khuyến nghị chứ không có tính chất bắt buộc áp dụng đồng nhất cho tất cả các cơ quan tố tụng. Tình trạng này không chỉ gây ra sự chênh lệch lớn về mức độ số hóa giữa các ngành, mà ngay trong nội bộ ngành Kiểm sát, việc hiểu và vận dụng các văn bản này cũng có sự khác biệt, dẫn đến sự thiếu đồng nhất trong triển khai³. Việc thiếu chế tài đảm bảo thực hiện số hóa khiến nhiều cán bộ lo ngại trong áp dụng công nghệ mới, dẫn đến thiếu động lực và trách nhiệm. Điều này không chỉ làm chậm quá trình chuyển đổi số trong ngành tư pháp mà còn gây khó khăn cho công tác quản lý, giám sát, tạo ra sự không đồng đều trong triển khai và cản trở mục tiêu liên thông hệ thống toàn diện. Chính việc thiếu quy định hướng dẫn cụ thể đã dẫn đến một hệ quả tất yếu: thiếu sự liên kết giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Hơn nữa, việc chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan vẫn chủ yếu bằng hình thức truyền thống, dẫn đến tình trạng phải số hóa lại nhiều lần. Ngay cả khi hồ sơ đã được số hóa, sự không tương thích giữa các hệ thống quản lý có thể buộc phải in ấn trở lại, làm triệt tiêu những lợi ích vốn có của số hóa.

Thách thức thứ hai là sự lạc hậu và thiếu đồng bộ về công nghệ ở các địa phương. Trong khi nhiều quốc gia đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Big Data vào việc phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định trong lĩnh vực tư pháp, Việt Nam vẫn chỉ dừng lại ở việc quét tài liệu giấy và nhập thông tin vào phần mềm quản lý. Hệ thống cơ sở vật chất và công nghệ hiện tại

³ Lê Văn Khương (2021), “Thanh Khê: Số hóa hồ sơ - Kỳ 2: Khó khăn trong quá trình thực hiện số hóa hồ sơ và một số biện pháp khắc phục”, [<https://vksdanang.gov.vn/chi-tiet?id=46026&c=67>] (truy cập ngày 30/06/2025).

vẫn ở mức cơ bản, không đáp ứng được yêu cầu của một hệ thống tư pháp số hóa hiện đại và thông minh. Không chỉ thiếu hụt công nghệ tiên tiến, mà còn không có sự đồng bộ về cơ sở vật chất ở các địa phương, dẫn đến tình trạng mỗi nơi áp dụng các giải pháp khác nhau, gây khó khăn trong việc phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan. Sự thiếu đồng bộ này có thể dẫn đến tình trạng thông tin bị chậm trễ, không chính xác, và làm giảm tính minh bạch trong các hoạt động tư pháp.

Tiếp đến, năng lực cán bộ còn hạn chế đang tạo thành một rào cản kìm hãm đáng kể quá trình số hóa hồ sơ vụ án hình sự. Với các quy định và yêu cầu về số hóa hiện tại, đòi hỏi cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ số hóa, phải có trình độ công nghệ thông tin nhất định. Điều này bao gồm việc thành thạo các kỹ năng tin học văn phòng cơ bản như sử dụng Word, Excel, khả năng thao tác linh hoạt với các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác số hóa. Không chỉ vậy, trong quá trình thực hiện, việc xử lý các tình huống kỹ thuật phát sinh như khắc phục sự cố thiết bị, lỗi phần mềm cũng là một yêu cầu thực tế mà cán bộ cần đáp ứng. Tuy nhiên, thực tế đáng lo ngại là hầu hết cán bộ Tư pháp hiện nay được đào tạo chủ yếu về chuyên môn nghiệp vụ pháp luật. Các kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin chuyên sâu thường không phải là trọng tâm trong chương trình đào tạo của họ. Sự thiếu hụt này dẫn đến khó khăn đáng kể khi họ phải áp dụng công nghệ vào công tác hàng ngày.⁴ Việc chuyển đổi từ phương pháp thủ công sang môi trường số đòi hỏi thay đổi cả kỹ năng lẫn tư duy, nhưng tâm lý ngại thay đổi, thiếu động lực và cảm giác không thoải mái với công nghệ mới đã kéo chậm quá trình thích ứng. Điều này trở thành rào cản tâm lý đáng kể, làm giảm tốc độ và hiệu quả chuyển đổi số trong ngành tư pháp, ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu xây dựng hệ thống tư pháp hiện đại, minh bạch.

Cuối cùng, vấn đề bảo mật thông tin trong số hóa hồ sơ vụ án hình sự vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Pháp luật Việt Nam chưa thật sự có các quy định, hướng dẫn về việc bảo mật hồ sơ đã số hóa, dẫn tới không tránh khỏi nguy cơ làm thất thoát thông tin khi lưu trữ, quản lý, chuyển giao tài liệu. Việc quy định tài liệu số hóa phải lưu trên thiết bị không kết nối mạng internet, nhưng quá trình thực hiện số hóa hồ sơ khi scan tài liệu vẫn cần phải kết nối với mạng internet⁵ nên vẫn có nguy cơ tài liệu hồ sơ không được bảo mật. Sự rò rỉ thông tin có thể xảy ra, thậm chí chỉ do vô ý của cá nhân trong đơn vị, nếu không được kiểm soát chặt

⁴ Nguyễn Xuân Kỳ, *tlđđ* (5).

⁵ Đoàn Đình Thắng (2021), “Bàn về những thuận lợi, những khó khăn vướng mắc trong hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự và công bố tài liệu chứng cứ, hình ảnh bằng số hóa tại phiên tòa”, [<https://vksbacninh.gov.vn/kiem-sat-vien-viet/kiem-sat-vien-viet/ban-ve-nhung-thuan-loi-nhung-kho-khan-vuong-mac-trong-hoat-dong-so-hoa-ho-so-vu-an-hinh-su-va-cong-bo-tai-lieu-chung-cu-hinh-anh-bang-so-hoa-tai-phiên-toa-13845.html>] (truy cập ngày 30/06/2025).

chẽ.⁶ Điều này không chỉ làm giảm tính minh bạch trong hoạt động tư pháp mà còn gây ra rủi ro cho thông tin nhạy cảm, có thể bị lạm dụng hoặc tiết lộ ra ngoài. Chính vì thiếu các quy định rõ ràng về bảo mật thông tin dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên liên quan trong vụ án. Nhưng gần đây, với sự thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 của Quốc hội⁷ hứa hẹn quan tâm đến vấn đề bảo mật thông tin trong vụ án khi thực hiện công tác số hoá. Mặc dù luật này không trực tiếp điều chỉnh việc bảo mật thông tin trong công tác số hóa hồ sơ, nhưng với vai trò điều chỉnh các hoạt động tác động đến dữ liệu cá nhân⁸, nó đã gián tiếp tạo ra một khung pháp lý vững chắc. Bên cạnh đó, các chế tài được thiết lập cho các hành vi vi phạm đã tạo ra sự răn đe mạnh mẽ, buộc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo mật. Luật cũng quy định Bộ Công an và Bộ Quốc phòng là các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý vấn đề bảo mật dữ liệu cá nhân⁹, đồng thời cũng là các cơ quan có vai trò hướng dẫn chi tiết việc số hóa hồ sơ vụ án¹⁰. Điều này tạo ra một cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng các quy định cụ thể, đồng bộ giữa bảo mật thông tin và số hóa hồ sơ. Chính vì vậy, cần thiết phải có sự khai thác, phối hợp chặt chẽ với Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân để giúp cho quy trình số hóa hồ sơ vụ án hình sự trở nên minh bạch, hiệu quả hơn, từng bước khắc phục những hạn chế về vấn đề bảo mật hiện có.

4. Giải pháp hoàn thiện

Việc số hóa hồ sơ vụ án hình sự ở Việt Nam đã triển khai từ lâu nhưng còn hạn chế, chủ yếu do thiếu khung pháp lý trực tiếp và đồng bộ. Gần đây, Bộ luật Tổ tụng hình sự sửa đổi 2025 (có hiệu lực từ 01/7/2025) đã có bước tiến bộ khi thừa nhận giá trị pháp lý của hồ sơ số và chữ ký số. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa đủ, chưa xây dựng được một quy trình số hóa thống nhất trên toàn quốc. Trong bối cảnh triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về chuyển đổi số quốc gia, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về số hóa hồ sơ trở nên cấp thiết. Điều này vừa giải quyết nhu cầu thực tiễn ngành tư pháp, vừa cụ thể hóa chủ trương lớn của Đảng. Do đó, Nhóm tác giả kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất về nguyên tắc, cách thức số hóa hồ sơ cho các cơ quan tố tụng từ đó sẽ khắc phục cơ bản những thách thức hiện nay, nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp.

⁶ Thanh Thuận, Trần Thắng (2022), “Lợi ích và khó khăn trong quá trình số hóa hồ sơ, chuyển đổi số”, [<https://vkstien Giang.gov.vn/chi-tiet-tin?loi-ich-va-kho-khan-trong-qua-trinh-so-hoa-ho-so-chuyen-oi-so/45416747>], (ngày truy cập 09/03/2025).

⁷ Nguyễn Hoàng (2025), “Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân”, *Báo Chính phủ*, [<https://baohinhphu.vn/quoc-hoi-thong-qua-luat-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-102250626151253737.htm>] (truy cập ngày 06/08/2025).

⁸ Điều 1, Khoản 6 Điều 2 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025.

⁹ Khoản 2, khoản 3 Điều 36 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025.

¹⁰ Khoản 5 Điều 131 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025).

Thứ nhất, kiến nghị bổ sung vào Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về giá trị của hồ sơ vụ án hình sự sau khi thực hiện việc số hóa. Trước đây, Bộ luật Tố tụng hình sự chưa có quy định riêng nào cho hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự. Nhận thấy được nhu cầu của ngành tư pháp, Luật số 99/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự đã mở ra cơ hội cho việc thừa nhận hoạt động số hóa hồ sơ hình sự là một hoạt động hợp pháp và được luật định. Cụ thể, khoản 5 Điều 131 Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025) được quy định như sau: “5. *Hồ sơ vụ án được lập bằng văn bản giấy hoặc được số hóa theo quy định.*” Có thể thấy, đây là cách tiếp cận hết sức mới và tiên bộ, phù hợp với xu thế chung và đáp ứng được nhu cầu quản lý của ngành tư pháp. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả trong việc áp dụng và thực thi, Nhóm tác giả đề xuất bổ sung thêm quy định về giá trị của hồ sơ vụ án hình sự sau khi đã số hóa.

Cụ thể, cần sửa đổi, bổ sung vào khoản 5 Điều 131 Bộ luật Tố tụng hình sự như sau:

“5. Hồ sơ vụ án được lập bằng văn bản giấy hoặc được số hóa theo quy định. Hồ sơ vụ án được số hóa theo đúng trình tự, thủ tục luật định có giá trị như hồ sơ vụ án được lập bằng văn bản giấy.” Việc bổ sung này là cần thiết, bởi lẽ quy định này giúp đảm bảo được giá trị pháp lý của hồ sơ vụ án hình sự đồng thời tạo cơ sở cho việc ghi nhận giá trị của hồ sơ điện tử. Ngoài ra, việc ghi nhận giá trị của hồ sơ vụ án hình sự sau khi số hóa trong Bộ luật thay vì để cho văn bản hướng dẫn là nhằm đảm bảo hiệu lực cao của của quy định, đồng thời mang tính định hướng cho các văn bản dưới luật về trình tự, thủ tục số hóa hồ sơ vụ án nhằm đảm bảo giá trị pháp lý.

Thứ hai, cần sớm nghiên cứu ban hành Thông tư liên tịch giữa Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn thi hành các quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Thực tế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự cũng đã giao cho cho Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết về hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự.¹¹ Như vậy, trong tương lai các cơ quan này cần sớm phối hợp nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn việc số hóa hồ sơ vụ án hình sự. Để phù hợp điều kiện kinh tế, xã hội cũng như quan điểm lập pháp của Việt Nam, Nhóm tác giả đề xuất cần nhanh chóng nghiên cứu ban hành Thông tư nhằm hướng dẫn hoạt động “số hóa hồ sơ hình sự” thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Thông

¹¹ Khoản 13 Điều 1 Luật số 99/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự.

tư hướng dẫn thi hành cần có quy định cụ thể về một số vấn đề còn gây tranh cãi như: quy trình số hóa; các tài liệu được số hóa; chia sẻ trách nhiệm... Ngoài ra, Thông tư này cần thiết kế khung pháp lý hoàn thiện đồng bộ từ cao xuống thấp, từ cơ bản đến khái quát. Cụ thể:

(i) Thông tư liên tịch cần đưa ra quy định về “*giải thích từ ngữ*”, trong đó định nghĩa thống nhất và chính thức các thuật ngữ như “số hóa”; “số hóa hồ sơ vụ án hình sự”... nhằm tránh tình trạng diễn giải tùy tiện hoặc có sự mâu thuẫn trong quá trình áp dụng.

(ii) Trong Thông tư cũng cần phân công rõ trách nhiệm phối hợp với nhau để thực hiện số hóa giữa các chủ thể tham gia tổ tụng, cụ thể đó là Thư ký Tòa án, luật sư, kiểm sát viên đến các cơ quan điều tra. Thông tư hướng dẫn có thể cân nhắc thiết lập một cơ chế phân công, phối hợp liên ngành giữa cơ quan điều tra, truy tố và xét xử trong việc lập, xử lý, lưu trữ và cung cấp hồ sơ hình sự đã số hóa nhằm đảm bảo tính đồng bộ, liên thông của hồ sơ vụ án hình sự khi thực hiện số hóa. Việc có cơ chế phân định rõ trách nhiệm không chỉ giúp tránh chồng chéo thẩm quyền mà còn là cơ sở để xác định trách nhiệm pháp lý khi xảy ra sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ vụ án hình sự.

(iii) Thông tư hướng dẫn cần có giải pháp quản lý việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin một cách hiệu quả và an toàn. Theo đó, các cán bộ tiến hành tổ tụng có quyền truy cập và xử lý hồ sơ vụ án hình sự đã số hóa cần được đào tạo, sát hạch và cấp chứng chỉ nội bộ về thao tác hệ thống hồ sơ vụ án hình sự. Việc thao tác sai, thiếu trách nhiệm, truy cập trái thẩm quyền, làm lộ thông tin,... được xác định là hành vi vi phạm của cán bộ, công chức ngành tư pháp trong việc quản lý số hóa hồ sơ vụ án, có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Việc nghiên cứu xây dựng trách nhiệm pháp lý rõ ràng không chỉ góp phần nâng cao trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ tư pháp, mà còn là cơ sở pháp lý vững chắc để kiểm soát và truy cứu trách nhiệm khi xảy ra sai sót trong quá trình xử lý dữ liệu. Việt Nam cần nghiên cứu bổ sung các quy định về cơ chế kiểm soát và giám sát hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự, trách nhiệm này nên giao cho Viện Kiểm sát Nhân dân, cơ quan đóng vai trò kiểm sát hoạt động tư pháp của Việt Nam¹², để tránh tình trạng vi phạm quyền riêng tư trong quá trình số hóa, đồng thời mở ra điều kiện thuận lợi cho kiểm tra, giám sát tư pháp trong khi thực hiện số hóa và truy cứu trách nhiệm khi xảy ra sai phạm đặc biệt là các hành vi xâm phạm thông tin cá nhân. Việc thiết lập quy trình rà soát thông tin thuộc về cá nhân trước khi công bố công khai là một giải pháp cần thiết nhằm bảo đảm quyền của cá nhân không bị xâm phạm khi thực hiện minh bạch hóa hồ sơ vụ án hình sự.

¹² Điều 107 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2013.

(iv) Ngoài ra, Thông tư cũng cần quy định rõ cơ chế phân quyền truy cập và khai thác hệ thống theo nguyên tắc bảo mật phân lớp. Cụ thể, các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền truy cập đầy đủ vào hệ thống theo thẩm quyền tương ứng với từng giai đoạn tố tụng. Luật sư và đương sự được cấp quyền truy cập giới hạn, chỉ đối với hồ sơ có liên quan đến vụ án của mình, thông qua cơ chế xác thực nghiêm ngặt như mã OTP, chữ ký số và tài khoản định danh cá nhân. Trong khi đó, các tổ chức nghiên cứu hoặc công chúng chỉ có thể truy cập các bản án, quyết định đã được công khai và ẩn danh thông tin cá nhân nhạy cảm, qua một cổng thông tin điện tử riêng biệt phục vụ mục tiêu giáo dục pháp luật và tăng cường giám sát tư pháp.

Thứ ba, cần xây dựng lộ trình triển khai số hóa hồ sơ vụ án hình sự theo các giai đoạn hợp lý, gắn với năng lực hạ tầng và nguồn lực của từng địa phương. Số hóa hồ sơ vụ án hình sự không thể tiến hành một cách đồng loạt và vội vàng, mà cần qua quá trình chuẩn bị, thí điểm, đánh giá và nhân rộng. Ở những giai đoạn đầu, việc số hóa sẽ không nhất thiết phải bắt buộc trên toàn quốc do mỗi địa phương đều có một đặc điểm khác nhau về cơ sở vật chất và công nghệ. Tuy nhiên bắt đầu từ giai đoạn 3, việc số hóa bắt buộc đối với toàn quốc, theo đó một công nghệ chung sẽ được áp dụng (tương tự như việc Việt Nam đã áp dụng VNeID trên toàn quốc). Lộ trình đề xuất như sau:

Giai đoạn 1 (2025 - 2027) là giai đoạn thí điểm, tập trung vào việc hoàn thiện thể chế và triển khai tại một số địa phương có điều kiện hạ tầng công nghệ tốt. Trong giai đoạn này, cần thiết lập hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ điện tử đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh. Quá trình số hóa cần vận hành song song với hồ sơ giấy để đánh giá hiệu quả thực tiễn. Đồng thời, cần sớm ban hành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật về định dạng dữ liệu, thiết lập cơ chế bảo mật nền tảng, và tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp triển khai. Việc kết nối liên thông giữa các cơ quan cần được đẩy mạnh ngay từ giai đoạn này, tránh tình trạng “số hóa cục bộ”. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: (i) xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ điện tử vụ án hình sự thống nhất toàn quốc, với chuẩn định dạng dữ liệu rõ ràng (PDF/A, XML), (ii) tích hợp các hệ thống hiện hữu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia để phục vụ tra cứu nhân thân, tiền án, nơi cư trú và xác thực người dùng, (iii) triển khai phân quyền truy cập bảo mật theo chức năng và thẩm quyền tố tụng và (iv) thí điểm lưu trữ hồ sơ điện tử tập trung tại Trung tâm dữ liệu tư pháp cấp tỉnh, làm nền tảng vận hành thống nhất toàn ngành.

Giai đoạn 2 (2027 - 2030) là giai đoạn mở rộng, tiến tới chuyển đổi từ mô hình hồ sơ hỗn hợp (số hóa tại các địa phương đang thí điểm) sang hồ sơ số hoàn toàn trên toàn quốc.

Trọng tâm là xây dựng hệ thống kết nối liên thông chặt chẽ giữa các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án và cơ quan thi hành án. Bên cạnh đó, giai đoạn này cần đặc biệt chú trọng tới cơ chế bảo mật dữ liệu nhạy cảm, nhất là khi bắt đầu kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư, quốc phòng và an ninh. Cùng với quá trình triển khai, cần tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn, chuyên sâu hơn theo chuyên đề, đồng thời đặt ra các tiêu chí đánh giá định lượng, chẳng hạn như tỷ lệ hồ sơ số hóa tối thiểu đạt 70% mới chuyển sang giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 3 (sau năm 2030) hướng đến mục tiêu hoàn thiện một hệ thống tổ tụng số hóa toàn diện, thiết lập cơ sở dữ liệu hồ sơ hình sự điện tử thống nhất toàn quốc, và tiến tới hình thành hệ thống tư pháp thông minh. Ở giai đoạn này, cần tích hợp an toàn hệ thống quản lý hồ sơ hình sự với dữ liệu dân cư, quốc phòng, an ninh và các dữ liệu dân sự liên quan nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu và tính minh bạch trong quá trình số hóa. Đồng thời, duy trì cơ chế đào tạo thường xuyên, chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ tư pháp về công nghệ số, giúp bảo đảm vận hành bền vững. Việc đánh giá hiệu quả triển khai cần căn cứ vào các tiêu chí cụ thể như 100% hồ sơ mới được xử lý hoàn toàn điện tử, 100% cơ quan kết nối liên thông vận hành ổn định, và sự hài lòng của người dân trong việc tiếp cận thông tin tư pháp. Một yếu tố quan trọng khác là khả năng tích hợp và liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia đã và đang được xây dựng tại Việt Nam. Hệ thống tư pháp hình sự điện tử cần kết nối trực tiếp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an quản lý để phục vụ việc đối chiếu nhân thân, tra cứu tiền án tiền sự, lịch sử cư trú của bị can hoặc người làm chứng; đồng thời phải liên thông với Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, đảm bảo mọi giao dịch trong môi trường số đều có thể được xác thực hai yếu tố và không bị giả mạo. Ngoài ra, hệ thống cũng cần có khả năng kết nối với Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) để trích xuất dữ liệu mở, hoặc hệ thống thông tin án lệ, bản án công khai, văn bản pháp luật để phục vụ hoạt động nghiên cứu, hành nghề luật sư và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động xét xử.

5. Kết luận

Số hóa hồ sơ vụ án hình sự là nhiệm vụ chiến lược, đòi hỏi sự chuyển đổi toàn diện từ các cơ quan tư pháp, đầu tư đồng bộ về hạ tầng công nghệ và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ. Việc triển khai theo lộ trình ba giai đoạn (thí điểm, mở rộng, hoàn thiện) cùng hệ thống quản lý điện tử liên thông sẽ giúp Việt Nam hiện đại hóa nền tư pháp, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Để thành công, cần thể chế hóa cơ chế phối hợp liên ngành, đào tạo nhân lực số và đảm bảo an ninh dữ liệu. Số hóa không chỉ là ứng dụng công nghệ mà còn là cơ hội cải cách

toàn diện, hướng tới nền tư pháp hiệu quả, minh bạch và vì con người, đòi hỏi sự đồng lòng của cả hệ thống chính trị và tầm nhìn dài hạn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025).
3. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025.
4. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
5. Thông tư liên tịch số 03/2023/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao quy định về phối hợp thông báo hoặc gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
7. Quyết định số 359/QĐ-VKSTC năm 2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin của ngành Kiểm sát nhân dân đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
8. Kế hoạch số 131/KH-TANDTC năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao về thực hiện chuyển đổi số toàn ngành Tòa án nhân dân.

II. TÀI LIỆU KHÁC

1. Đoàn Đình Thắng (2021), “Bàn về những thuận lợi, những khó khăn vướng mắc trong hoạt động số hóa hồ sơ vụ án hình sự và công bố tài liệu chứng cứ, hình ảnh bằng số hóa tại phiên tòa”, [<https://vksbacninh.gov.vn/kiem-sat-vien-viet/kiem-sat-vien-viet/ban-ve-nhung-thuan-loi-nhung-kho-khan-vuong-mac-trong-hoat-dong-so-hoa-ho-so-vu-an-hinh-su-va-cong-bo-tai-lieu-chung-cu-hinh-anh-bang-so-hoa-tai-phiên-toa-13845.html>] (truy cập ngày 30/06/2025).
2. Dương Văn Quý (2025), “Khi “giấy tờ gốc” vẫn ngáng đường số hóa”, *The Saigon Times*, [<https://thesaigontimes.vn/khi-giay-to-goc-van-ngang-duong-so-hoa/>] (truy cập ngày 27/07/2025).

3. Lê Văn Khương (2021), “Thanh Khê: Số hóa hồ sơ - Kỳ 2: Khó khăn trong quá trình thực hiện số hóa hồ sơ và một số biện pháp khắc phục”, [https://vksdanang.gov.vn/chi-tiet?id=46026&_c=67] (truy cập ngày 30/06/2025).
4. Nguyễn Hoàng (2025), “Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân”, *Báo Chính phủ*, [<https://baochinhphu.vn/quoc-hoi-thong-qua-luat-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-102250626151253737.htm>] (truy cập ngày 06/08/2025).
5. Nguyễn Xuân Kỳ (2021), “Quan điểm nhận thức về công tác “Số hóa hồ sơ vụ án” và công bố tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh tại phiên tòa hình sự”, [<https://vksnd.gialai.gov.vn/Nghien-cuu-Trao-doi/Quan-diem-nhan-thuc-ve-cong-tac-So-hoa-ho-so-vu-an-va-cong-bo-tai-lieu-chung-cu-bang-hinh-anh-tai-phiên-toa-hình-su-1297.html>] (truy cập ngày 15/03/2025).
6. Thanh Thuận, Trần Thắng (2022), “Lợi ích và khó khăn trong quá trình số hóa hồ sơ, chuyển đổi số”, [<https://vkstiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin?/loi-ich-va-kho-khan-trong-qua-trinh-so-hoa-ho-so-chuyen-oi-so/45416747>] (truy cập ngày 09/03/2025).